

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục thủ tục hành chính đưa vào xây dựng, áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-SNNPTNT ngày 11/6/2018 về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quyết định số 263/QĐ-SNNPTNT ngày 11/6/2018 về việc Ban hành “Danh mục tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 áp dụng vào hoạt động hành chính tại Sở Nông nghiệp và PTNT” .

Theo đề nghị của Đại diện lãnh đạo Chất lượng ISO của Sở;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục thủ tục hành chính đưa vào xây dựng, áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Sở, Chánh Văn phòng Sở, Chánh Thanh tra Sở; Trưởng các phòng thuộc Sở; các thành viên Ban Chỉ đạo ISO của Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, PGD Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Tô

DANH MỤC
Thủ tục hành chính đưa vào xây dựng, áp dụng Hệ thống
chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 818 /QĐ-SNNPTNT ngày 20 /11/2019)

STT		Tên thủ tục hành chính
I		Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
1	1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón
2	2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
3	3	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
4	4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
5	5	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón
6	6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
7	7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
8	8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
9	9	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
10	10	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
11	11	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng
12	12	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
13	13	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
14	14	Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm
II		Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn
15	1	Công nhận làng nghề truyền thống
16	2	Công nhận nghề truyền thống
17	3	Công nhận làng nghề
18	4	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh
19	5	Thẩm định phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư
20	6	Hỗ trợ dự án liên kết
21	7	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu
22	8	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
III		Lĩnh vực Lâm nghiệp
23	1	Chuyên loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
24	2	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức



STT		Tên thủ tục hành chính
25	3	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES
26	4	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
27	5	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
28	6	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)
29	7	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác
30	8	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)
31	9	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh
32	10	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
33	11	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý
34	12	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
35	13	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
IV		Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
36	1	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò
37	2	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò
38	3	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
39	4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
40	5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
41	6	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)
V		Lĩnh vực Thú y

STT		Tên thủ tục hành chính
42	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
43	2	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
44	3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)
45	4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)
46	5	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm
47	6	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
48	7	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
49	8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
50	9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
51	10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
52	11	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
53	12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
54	13	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
55	14	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
56	15	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)
57	16	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
58	17	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
59	18	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm: tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

H
 :
 H
 H

STT		Tên thủ tục hành chính
VI		Lĩnh vực Thủy lợi
60	1	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
61	2	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
62	3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
63	4	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
64	5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
65	6	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
66	7	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
67	8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh
68	9	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
69	10	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
70	11	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
71	12	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

STT		Tên thủ tục hành chính
72	13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
73	14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
74	15	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
75	16	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
76	17	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
77	18	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
78	19	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
79	20	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
80	21	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
81	22	Thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều: Cát xé đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều; khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều; xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông; xây dựng công trình ngầm; khai, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 km tính từ bên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều; sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu: tàu, thuyền, bè, mảng; nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều
82	23	Thủ tục cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều: đắp vật liệu, đào ao, giếng ở bãi sông
83	24	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động liên quan đến đê điều
VII		Lĩnh vực Thủy sản
84	1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
85	2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)

STT		Tên thủ tục hành chính
86	3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)
87	4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
88	5	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)
89	6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
90	7	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực
91	8	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng
92	9	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
93	10	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản
94	11	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá
95	12	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển
96	13	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)
97	14	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
98	15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
99	16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá
100	17	Xóa đăng ký tàu cá
101	18	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
102	19	Công bố mở cảng cá loại 2
103	20	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)
104	21	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá
105	22	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá
VIII		Lĩnh vực Khoa học công nghệ
106	1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương